

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49/2022/DS-ST**
Ngày 28-6-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 498/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 576/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Q.**

Trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2, phường B, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc TTQL KHCN, khối quản trị rủi ro theo Giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, đường U, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tố tụng: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1991 – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng (Theo văn bản ủy quyền số 026275.22 ngày 28/03/2022) – Có mặt.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, đường U, phường A, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: **Ông Lê Mai T1**, sinh năm 1987 – Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1987 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 27F/1, tổ 6, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày:***

Ngày 17/01/2018, Ngân hàng Q – Chi nhánh Đ – PGD H ký với ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 theo Hợp đồng tín dụng số 2018.0757.HĐTD.617 với nội dung: Ngân hàng cho ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua ô tô mới 100% nhãn hiệu Ford, biển số: 60C-402.80, theo HĐMB số 41/01/KĐKT-KD-18 ký ngày 15/01/2018, mục đích sử dụng đi lại cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 18/01/2018 đến ngày 17/01/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.29%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 12.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.99%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: vào ngày 16 hàng tháng. Kỳ trả đầu tiên 16/02/2018, kỳ trả cuối 17/01/2023. Mỗi kỳ trả 8.334.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Ngày trả lãi: lãi trả hàng tháng vào ngày 16.

Ngày 17/01/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2018.0757.KUNN.617 với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 16/8/2018. Mặc dù ngân hàng luôn đôn đốc khách hàng thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện, cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 14/03/2022, ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 475.169.153 đồng (gốc: 455.577.945 đồng, lãi: 19.591.208 đồng).

Tạm tính đến ngày 28/6/2022, ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 còn nợ Ngân hàng Q số tiền: 161.674.876đ (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy sáu đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 44.422.055 đồng, nợ lãi phát sinh là: 117.252.821đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 161.674.876đ (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy sáu đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 44.422.055 đồng, nợ lãi phát sinh là: 117.252.821đ.

Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký số 2018.0757.HĐTD.617 ngày 17/01/2018.

** Bị đơn ông Lê Mai T1, bà Hoàng Thị T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Mai T1, bà Hoàng Thị T2 có địa chỉ cư trú tại 27F/1, tổ 6, khu phố 3, phường T, thành phố B tỉnh Đ. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Hàn Ngọc V - đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Q ủy quyền cho bà Trần Thị Thu H – Giám đốc TTQLN KHCN tham gia tố tụng, bà H ủy quyền lại cho Ông Trần Quốc T, sinh năm 1991 – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng (Theo văn bản ủy quyền số 026275.22 ngày 28/03/2022), do đó thủ tục ủy quyền là đúng quy định pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 thanh toán tiền còn nợ đối với hợp đồng tín dụng số 2018.0757.HĐTD.617 ngày 17/01/2018, nên được xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 17/01/2018, ông T1 và bà T2 có ký hợp đồng tín dụng số 2018.0757.HĐTD.617 với Ngân hàng Q để vay số tiền 500.000.00đ (Năm trăm triệu đồng), thỏa thuận suất tại thời điểm giải ngân 8.29%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 12.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.99%/năm, mục đích vay mua xe ô tô để đi lại.

Thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà T2 đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) thể hiện tại Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số

2018.0757.KUNN.617 ngày 17/01/2018. Ông T1 và bà T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 475.169.153đ (gốc: 455.577.945 đồng, lãi: 19.591.208 đồng).

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 và bà T2 trả cho ngân hàng số tiền (tạm tính đến ngày 28/6/2022) là 161.674.876đ (*Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy sáu đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 44.422.055 đồng, nợ lãi phát sinh là: 117.252.821đ.

Yêu cầu ông T1 và bà T2 tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký số 2018.0757.HĐTD.617 ngày 17/01/2018.

Quá trình giải quyết vụ án ông T1, bà T2 cố tình vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T1 và bà T2 trả tổng cộng số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 688, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T1 và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q tổng cộng số tiền còn nợ là **161.674.876đ** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy sáu đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 44.422.055 đồng, nợ lãi phát sinh là: 117.252.821đ.

[5] Về án phí: Bị đơn ông T1 và bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Q.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 688, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q.

Buộc ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q tổng số tiền là **161.674.876đ** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy sáu đồng*), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 44.422.055 đồng, nợ lãi phát sinh là: 117.252.821đ.

Kể từ ngày 29/6/2022, ông T1 và bà T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2018.0757.HĐTD.617 ngày 17/01/2018 cho đến

khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Mai T1 và bà Hoàng Thị T2 phải nộp số tiền 8.084.000đ (Tám triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.731.000đ (Ba triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001542 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Mai T1, bà Hoàng Thị T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hoà;
- Chi cục THA DS TP. Biên Hoà;
- Đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp